

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3572**/BLĐTBXH-CTE

V/v lấy ý kiến dự thảo Quyết định thay thế
Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày **07** tháng **8** năm 2024

Kính gửi:

.....

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 06/QĐ-TTg.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, góp ý dự thảo Quyết định (*Hồ sơ dự thảo Quyết định được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*). Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Trẻ em, số 35 Trần Phú, phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội), đồng thời gửi bản điện tử về địa chỉ email: treem@molisa.gov.vn **trước ngày 20/8/2024** để tổng hợp.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng Website);
- Cổng thông tin điện tử BLĐTBXH (để đăng Website);
- Lưu: VT, Cục TE.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hà

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ GỬI CÔNG VĂN

I. Bộ, ngành, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Y tế
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo
4. Bộ Công an
5. Bộ Tư pháp
6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7. Bộ Tài chính
8. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

II. Đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Văn phòng Bộ
2. Vụ Pháp chế

III. Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

IV. Cơ quan truyền thông

1. Công thông tin điện tử Chính phủ;
2. Công thông tin điện tử Bộ LĐTBXH.

Số: /TTr - BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị - pháp lý

Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc chỉ rõ: “Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch tạo sự đồng bộ, phát triển liên tục từ những năm đầu đời đến khi trưởng thành của trẻ em, nhất là nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục đẩy mạnh phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi; phát triển hệ thống phúc lợi, dịch vụ xã hội cho trẻ em theo hướng liên thông, chất lượng, thuận lợi trong tiếp cận. **Xây dựng môi trường gia đình, nhà trường, xã hội an toàn, lành mạnh, thân thiện, bảo đảm cho trẻ em có cơ hội phát triển về thể chất, tinh thần, nhân cách, tài năng, trí tuệ**”.

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng Quyết định của Thủ tướng

Chính phủ về sửa đổi Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (Phần 12, Mục XV, Phụ lục 1 của Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024).

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (sau đây viết tắt là Quyết định số 06/QĐ-TTg). Qua 5 năm thực hiện, đã tạo được những bước chuyển tích cực đặc biệt là ở cấp cơ sở; nhận thức của xã hội, trách nhiệm và năng lực của cộng đồng trong việc chủ động xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện cho mọi trẻ em được tăng cường. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg có một số nội dung chưa phù hợp cần sửa đổi, cụ thể:

2.1. Về mặt thể thức văn bản: Quyết định số 06/QĐ-TTg là văn bản cá biệt, tuy nhiên, đối với việc quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là văn bản được áp dụng nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước (Theo khoản 1 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 thì quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành và được Nhà nước bảo đảm thực hiện). Chính vì vậy, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là cần thiết.

2.2 Về thời gian đánh giá: Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm. Theo thời điểm đánh giá hiện nay tuy có giảm số lần đánh giá nhưng sẽ khó khăn cho địa phương trong vấn đề đánh giá và công nhận xã phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vì số liệu và báo cáo yêu cầu số xã phường thị trấn đạt xã phường, thị trấn hàng năm nhưng theo quy định đánh giá năm thứ 2 và năm 4 phát triển kinh tế xã hội 5 năm. Như vậy có năm đánh là 2 năm/lần và 3 năm/lần. Gây khó khăn cho địa phương đưa chỉ tiêu xã, phường, thị trấn vào kế hoạch hàng năm.

2.3. Điều chỉnh nội hàm một số tiêu chí: Hiện nay, một số pháp luật chuyên ngành liên quan đến các tiêu chí đã ban hành các văn bản mới nên việc điều

chính nội hàm, thang điểm của một số tiêu chí cập nhật các quy định hiện hành là cần thiết (Các tiêu chí: 3, 4, 5, 6, 10,12 tại Quyết định số 06/QĐ-TTg).

Do vậy, việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 06/QĐ-TTg là rất cần thiết, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với thực tiễn và nhằm cụ thể hoá việc thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích

Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thực hiện quyền trẻ em; việc đánh giá, xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải phản ánh đúng mức độ đạt được các chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em và các quyền trẻ em.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, dân chủ, công bằng và công khai.

- Xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em là xây dựng một môi trường ở đó mọi trẻ em đều được hưởng các quyền của mình để phát triển hài hoà về thể chất, trí tuệ và nhân cách.

- Các tiêu chí phải có ý nghĩa, khả thi, có khả năng thu thập được, đơn giản, dễ hiểu giúp cho cán bộ địa phương thu thập thông tin và đánh giá một cách chính xác.

- Tiếp tục kế thừa những quy định của Quyết định số 06/QĐ-TTg còn phù hợp với thực tiễn. Khắc phục một cách cơ bản những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Trong quá trình xây dựng dự thảo Quyết định quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thực hiện đúng và đầy đủ quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

1. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg.

2. Xây dựng đề cương, dự thảo Quyết định, Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và đối tượng chịu sự tác động của văn bản.

4. Tổ chức các cuộc họp, hội thảo xin ý kiến các bộ, ngành liên quan, địa phương về các nội dung của dự thảo Quyết định.

5. Gửi công văn đến bộ, ngành, đơn vị; ... tỉnh/thành phố xin ý kiến góp ý về Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ, Dự thảo Quyết định.

6. Đăng dự thảo Tờ trình, Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lấy ý kiến đóng góp rộng rãi.

7. Lấy ý kiến của trẻ em tại tỉnh và qua Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em số 111.

8. Gửi Bộ Tư pháp hồ sơ thẩm định.

9. Tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, hoàn thiện hồ sơ.

10. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục: Dự thảo Quyết định gồm 10 điều.

2. Nội dung chính của dự thảo Quyết định

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Điều 3. Cách tính và thang điểm đối với từng tiêu chí

Điều 4. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Điều 5. Thời gian và trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Điều 6. Thời gian, trình tự xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em

Điều 7. Chế độ báo cáo

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Điều 10. Hiệu lực thi hành

V. NHỮNG NỘI DUNG KẾ THỪA TỪ QUYẾT ĐỊNH SỐ 06/QĐ-TTg VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Những nội dung kế thừa từ Quyết định số 06/QĐ-TTg

a) 13 Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

b) Trình tự đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

c) Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2. Những điểm mới của dự thảo Quyết định

a) Thể thức văn bản: văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thời gian đánh giá, xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

c) Chi tiết hơn trách nhiệm thực hiện của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

VI. CÁC TÀI LIỆU GỬI KÈM THEO TỜ TRÌNH

1. Dự thảo Quyết định đã được chỉnh lý sau khi tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định và ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Báo cáo thẩm định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

3. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Quyết định.

4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CTE.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, xét duyệt
và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, trình tự
đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quyết định này quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.
- Quyết định này áp dụng đối với các xã, phường, thị trấn trong phạm vi cả nước, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Điều 2. Tiêu chí đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em.
- Tiêu chí 2: Trẻ em được đăng ký khai sinh đúng quy định.
- Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại.
- Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy.
- Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích.
- Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp.
- Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng.
- Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.
- Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ.

10. Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non.

11. Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em.

12. Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em.

13. Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em.

Điều 3. Cách tính và thang điểm đối với từng tiêu chí

Tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm tối đa
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm 2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố): 15 điểm 3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hằng tháng, quý, năm: 15 điểm 4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được đăng ký khai sinh đúng quy định	Tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 20 điểm	50
Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại	Tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em): 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn xảy ra vụ án xâm hại tình dục trẻ em hoặc bạo lực trẻ em đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không xảy ra vụ án và không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá: a) Dưới 3/1.000: 125 điểm b) Từ 3 đến dưới 5/1.000: 100 điểm	125

	<p>c) Từ 5 đến dưới 7/1.000: 75 điểm</p> <p>d) Từ 7 đến dưới 10/1.000: 50 điểm</p> <p>đ) Từ 10/1.000 trở lên: 30 điểm</p>	
Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy	<p>Tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dưới 10/1.000: 50 điểm 2. Từ 10 đến dưới 15/1.000: 40 điểm 3. Từ 15 đến dưới 20/1.000: 30 điểm 4. Từ 20 đến dưới 30/1.000: 20 điểm 5. Từ 30/1.000 trở lên: 10 điểm 	50
Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích	<p>Tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn xảy ra vụ việc trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không xảy ra vụ việc và không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích: <ol style="list-style-type: none"> a) Dưới 0,25/1.000: 100 điểm b) Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm c) Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm 	100
Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp: <ol style="list-style-type: none"> a) Từ 95% trở lên: 50 điểm b) Từ 90 đến dưới 95%: 40 điểm c) Từ 80 đến dưới 90%: 30 điểm d) Từ 70 đến dưới 80%: 20 điểm đ) Dưới 70%: 10 điểm 2. Tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp kịp thời: <ol style="list-style-type: none"> a) 100%: 75 điểm 	125

	<p>b) Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm</p> <p>c) Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm</p> <p>d) Dưới 50%: 0 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng</p>	<p>Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <p>1. Từ 98% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm</p> <p>3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm</p> <p>4. Dưới 80%: 10 điểm</p>	50
<p>Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi</p>	<p>1. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi):</p> <p>a) Dưới 10%: 45 điểm</p> <p>b) Từ 10 đến dưới 14%: 35 điểm</p> <p>c) Từ 14% trở lên: 25 điểm</p> <p>2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi):</p> <p>a) Dưới 20%: 30 điểm</p> <p>b) Từ 20 đến dưới 24%: 20 điểm</p> <p>c) Từ 24% trở lên: 10 điểm</p>	75
<p>Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ</p>	<p>Tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em):</p> <p>1. Từ 80% trở lên: 50 điểm</p> <p>2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm</p> <p>3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm</p> <p>4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm</p> <p>5. Dưới 50%: 10 điểm</p>	50
<p>Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non</p>	<p>1. Tỷ lệ trẻ độ tuổi nhà trẻ từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đến trường mầm non, nhà trẻ, lớp mầm non độc lập, nhóm trẻ độc lập: 45 điểm</p> <p>a) Từ 40% trở lên: 45 điểm</p> <p>b) Từ 30% đến dưới 40%: 35 điểm</p> <p>c) Từ 20% đến dưới 30%: 25 điểm</p> <p>d) Dưới 20%: 15 điểm</p> <p>2. Tỷ lệ trẻ độ tuổi mẫu giáo đến trường mầm non, trường mẫu giáo, lớp mầm non độc lập, lớp mẫu giáo độc lập: 30 điểm</p> <p>a) Từ 90% trở lên: 30 điểm</p>	75

	<p>b) Từ 80% đến dưới 90%: 20 điểm c) Từ 70% đến dưới 80%: 10 điểm d) Dưới 70%: 0 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em</p>	<p>Việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thảo luận ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 20% trở lên: 75 điểm 2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm 3. Từ 10% đến dưới 15%: 50 điểm 4. Dưới 10%: 40 điểm 	75
<p>Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt 30% (đối với các khu vực đồng bằng); 20% (đối với khu vực miền núi) về thời gian hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em: <ol style="list-style-type: none"> a) Từ 70% trở lên: 45 điểm b) Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm c) Dưới 50%: 20 điểm 2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, Tháng hành động vì trẻ em, Tết Trung thu và các hoạt động khác theo quy định): 30 điểm. 	75
<p>Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em</p>	<p>Tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50 đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm 	50

Điều 4. Điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

Xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đạt đủ 13 tiêu chí quy định tại Điều 3 của Quyết định này, không có tiêu chí nào bị 0 điểm và đạt tổng số điểm theo quy định sau đây:

1. Phường thuộc quận, thị xã, thành phố của thành phố trực thuộc trung ương: Đạt từ 900 điểm trở lên.

2. Xã, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo; xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Đạt từ 800 điểm trở lên.

3. Xã, phường, thị trấn không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này: Đạt từ 850 điểm trở lên.

Điều 5. Thời gian, trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

1. Thời gian đánh giá.

Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện mỗi năm một lần vào tháng 01 năm sau liền kề. Thời gian đánh giá một năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá.

Số liệu thống kê các Tiêu chí được thu thập trong năm đánh giá.

2. Trình tự đánh giá.

a) Công chức Văn hóa - xã hội theo dõi về công tác trẻ em trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - xã hội theo dõi về trẻ em (ủy viên thường trực), Trưởng Công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - hộ tịch, Hiệu trưởng Trường mầm non, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, đại diện lãnh đạo thôn, tổ dân phố;

b) Họp Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi Ủy ban nhân

dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày 15 tháng 01 của năm sau liền kề.

Điều 6. Thời gian, trình tự xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

1. Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

2. Hội đồng xét duyệt: Các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của cấp xã và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, phường, thị trấn đạt điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày trước ngày 25 tháng 01 của năm sau liền kề.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi quyết định công nhận cho các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày trước ngày 10 tháng 02 của năm sau liền kề.

Điều 7. Chế độ báo cáo

1. Trước ngày 30 tháng 01 của năm sau liền kề, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp tình hình thực hiện Quyết định này báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trước ngày 10 tháng 02 của năm sau liền kề, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hoạt động thu thập thông tin, số liệu, đánh giá, xét duyệt, công nhận, truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và biểu dương, khen thưởng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được bố trí trong dự toán chi ngân sách

thường xuyên hằng năm của địa phương, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có) và các kinh phí hợp pháp khác.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này:

a) Hướng dẫn quy trình, biểu mẫu, tài liệu thu thập thông tin, số liệu, đánh giá, xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

b) Truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng thực hiện Quyết định này;

c) Kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2. Bộ Tài chính trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Quyết định theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định này.

3. Các Bộ: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Công an, Tư pháp và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ liên quan phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi, kiểm tra, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương trong việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc trách nhiệm và phạm vi quản lý.

4. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo và giám sát việc thực hiện Quyết định này trong phong trào “Toàn dân chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia giám sát, vận động nguồn lực, hỗ trợ thực hiện tiêu chuẩn đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định này tại địa phương; bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xét duyệt, công nhận, biểu dương, khen thưởng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em và phân công cơ quan chuyên môn làm đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện;

b) Căn cứ kết quả thực tế của việc đánh giá, xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em hàng năm, chỉ đạo các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em;

c) Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em tại địa phương;

d) Hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kết quả đánh giá, xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT,
- các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính